

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **181/2022/DS-ST**
Ngày: 28/06/2022.
V/v tranh chấp: hợp đồng góp
hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng

2. Ông Nguyễn Đăng Khoa

Thư ký phiên tòa: bà **Phan Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: không tham gia phiên tòa

Trong ngày 28 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2022/TLST-DS ngày 14/02/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐST-DS ngày 20/05/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-DS ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện G giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN THỊ B (Nguyễn Thị B)** – sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

Ủy quyền cho bà **Nguyễn Thị Huỳnh N**- sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Theo giấy ủy quyền ngày 07/01/2022 số chứng thực 141 quyền số 01/2022TP-SCC/HĐGD

2. Bị đơn: **NGUYỄN THỊ H**– sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

(Bà N, bà H xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: bà có tên thường gọi là Nguyễn Thị B, bà và bà NGUYỄN THỊ H là chỗ quen biết nên bà có tham gia dây hụi do bà H làm chủ hụi, đến nay dây hụi đã mãn. Đến ngày 13/12/2020 (âm lịch) bà H chốt nợ hụi thì bà H còn thiếu bà số tiền 24.000.000 đồng, bà H hẹn đến tháng 03/2021 sẽ trả bà số tiền 24.000.000 đồng, Nng đến hẹn trả nợ bà H vẫn không trả nợ cho bà, mặc dù bà nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ. Nay bà yêu cầu bà NGUYỄN THỊ H trả lại bà số tiền 24.000.000 đồng làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn bà NGUYỄN THỊ H trình bày: bà có nợ bà Nguyễn Thị B 24.000.000 đồng, bà có trả được 5.000.000 đồng, còn nợ lại 19.000.000 đồng. Nay bà xin trả từ từ mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 19.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa hôm nay

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Huỳnh N có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu bà NGUYỄN THỊ H trả lại bà Nguyễn Thị B số tiền hụi là 19.000.000 đồng (do bà H đã trả cho bà B số tiền 5.000.000 đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà NGUYỄN THỊ H chấp nhận trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền hụi là 19.000.000 đồng Nng xin trả dần mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 19.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp "hợp đồng góp hụi".

[1] Xét đại diện của đại diện nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Huỳnh N và bị đơn bà NGUYỄN THỊ H có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà N, bà H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là có cơ sở: vì bà Nguyễn Thị B có tham gia 01 dây hụi do bà NGUYỄN THỊ H làm chủ. Đến ngày 13/12/2020 hai bên tổng kết lại nợ hụi thì bà H còn nợ lại bà B số tiền là 24.000.000 đồng, bà H hẹn đến tháng 3/2021 sẽ trả số tiền này cho bà B. Đến hạn trả tiền thì bà H có trả cho bà B số tiền 5.000.000 đồng, rồi ngưng luôn cho đến nay. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà B cung cấp tờ biên nhận ngày 13/12/2020 có chữ ký của bà Nguyễn Thị H. Tại văn bản lời khai bà H cũng thừa nhận còn nợ lại bà B số tiền 19.000.000 đồng và chấp nhận trả bà B số tiền này. Do đó, có cơ sở để xác định giữa bà B và bà H đã xác lập hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, phía bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc bà H trả tiền cho bà B là có cơ sở.

[3] Về tiền lãi: bà B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về thời gian trả: bà B yêu cầu bà H trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, phía bà H xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 19.000.000 đồng. Xét yêu cầu này của bà H là không có cơ sở vì số tiền này bà H để kéo dài không trả cho bà B đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà B và bà B cũng không chấp nhận cho bà H trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, nên cần buộc bà H trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Nng bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 275, 280, 471 Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biu phưong
- Áo dụng Điều 2 Luật người cao tuổi
- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị B)

Buộc bà NGUYỄN THỊ H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị B) số tiền hui là **19.000.000** đồng (mười chín triệu đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: bà NGUYỄN THỊ H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị B **600.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp theo biên lai thu số 0005957 ngày 11/2/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện G;
- THA.DS huyện G
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Tuấn Anh